



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long

Ngày 30/06/2025	6,850 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.2%	9.1%	11.4%

DT thuần Q2/25
178
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.0 43.3%
YoY: ▲ 10.0 5.8%

LN thuần Q2/25
6.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.07 149%
YoY: ▼ 1.71 -20.0%

LN sau thuế Q2/25
6.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.70 147%
YoY: ▼ 1.28 -17.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
4.7%
YoY: +/- ▲ 0.9%

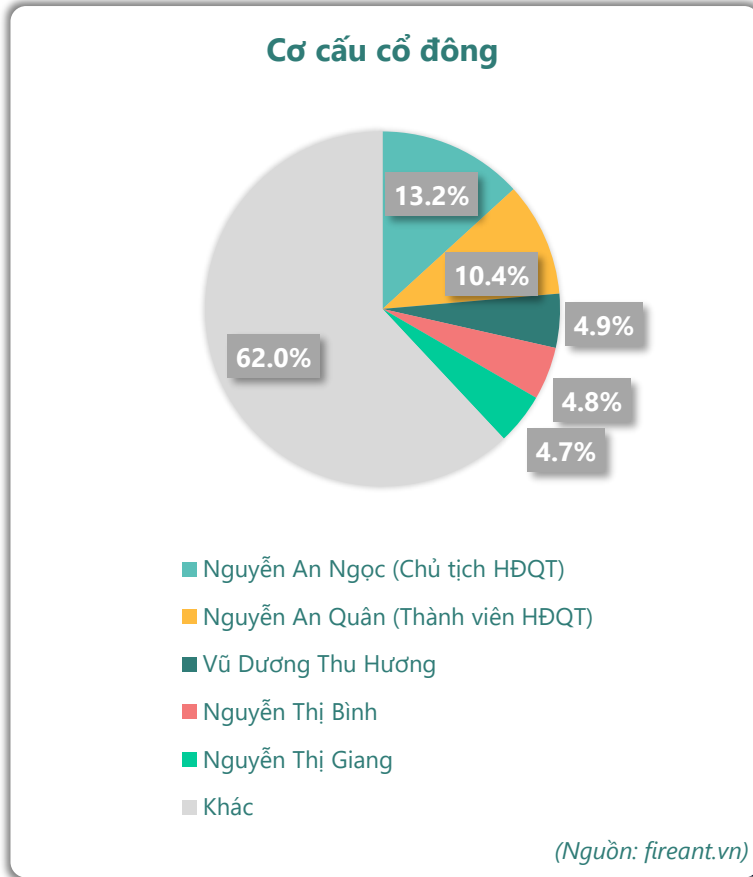
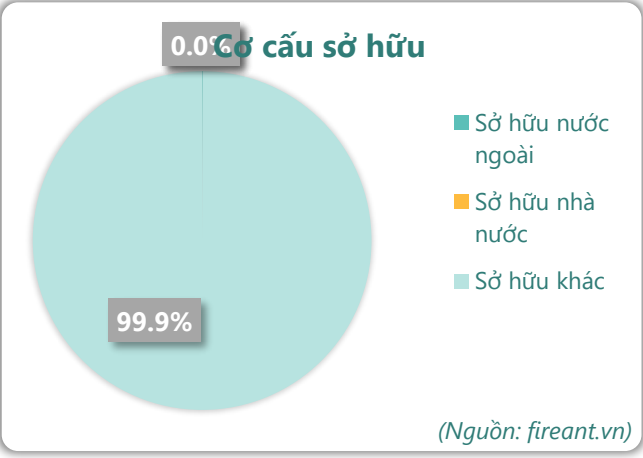
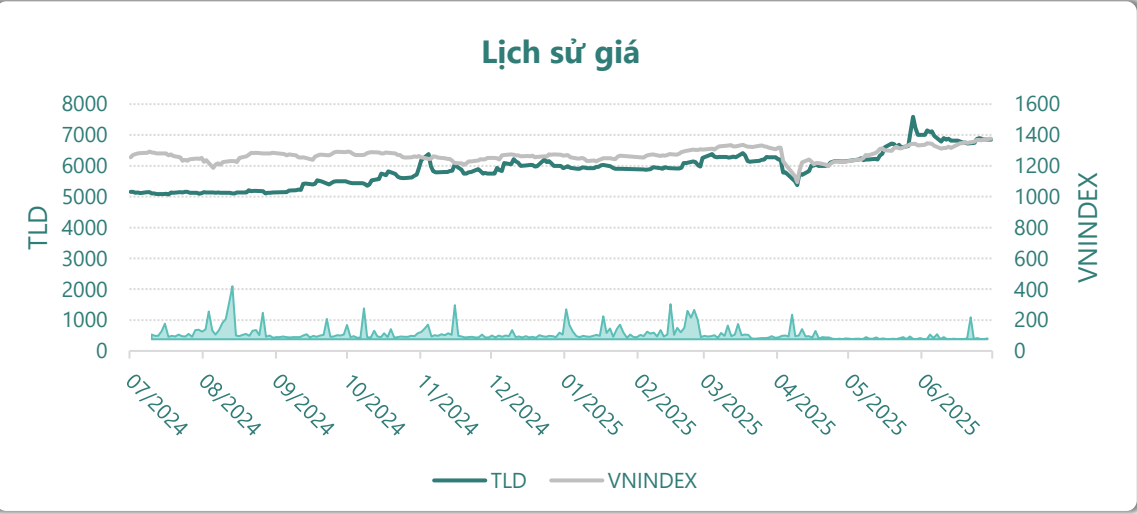
ROE (TTM) Q2/25
2.0%
YoY: +/- ▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,070 - 7,590
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	533
Số lượng CPLH (CP)	77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	293,570
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.71
EPS	228
P/E	30.1

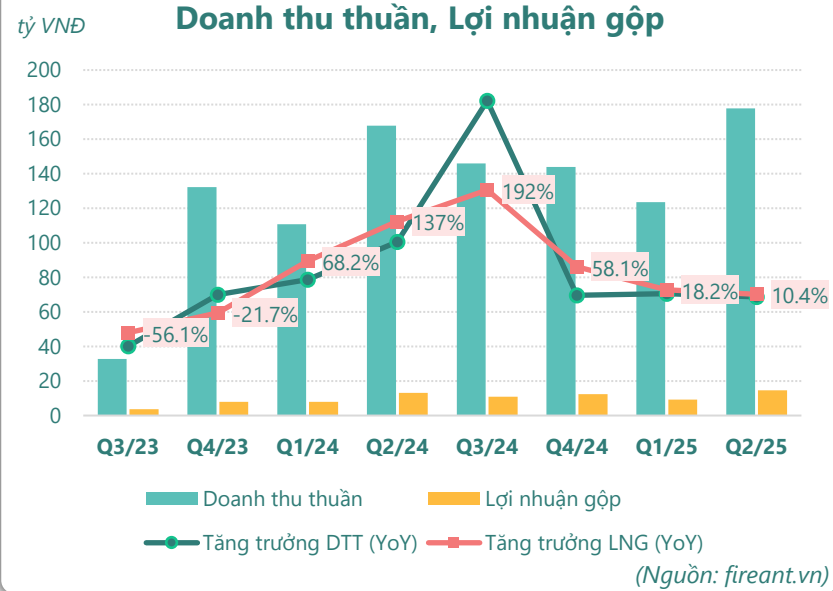
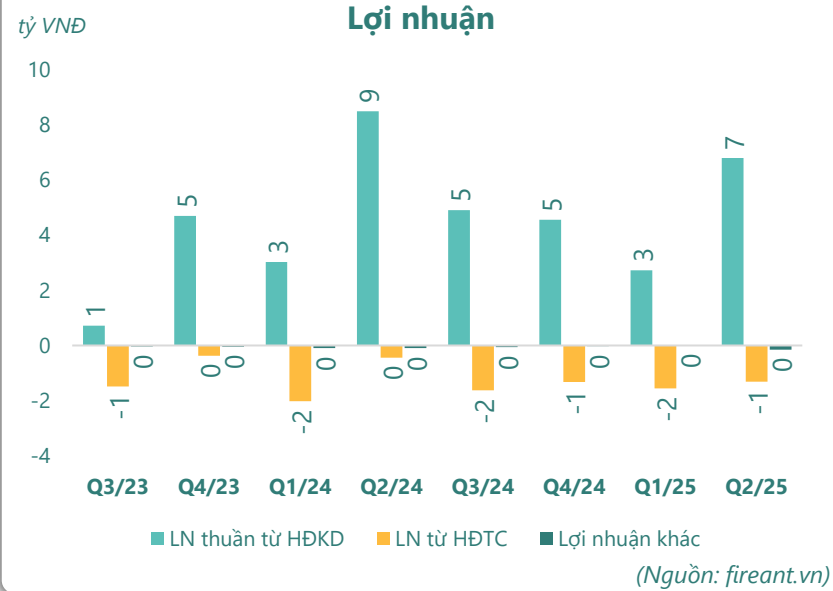
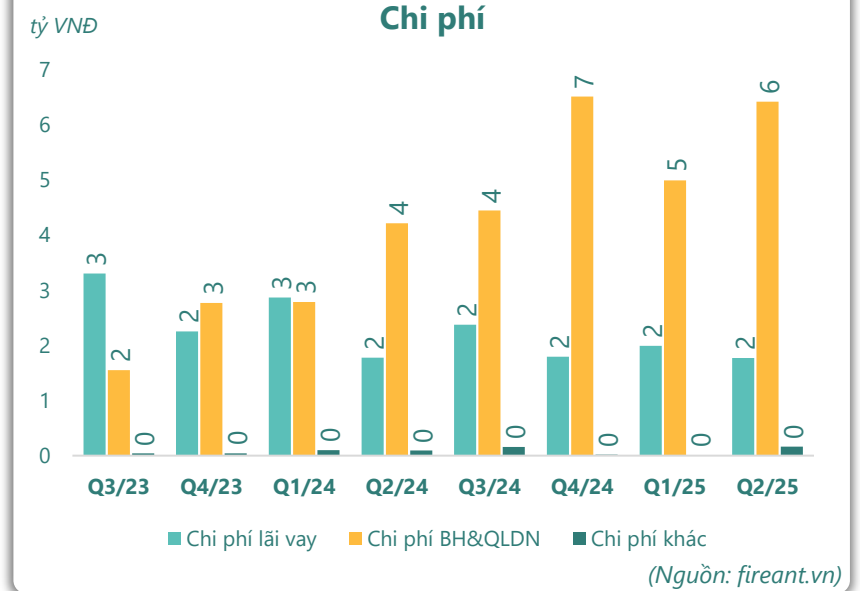
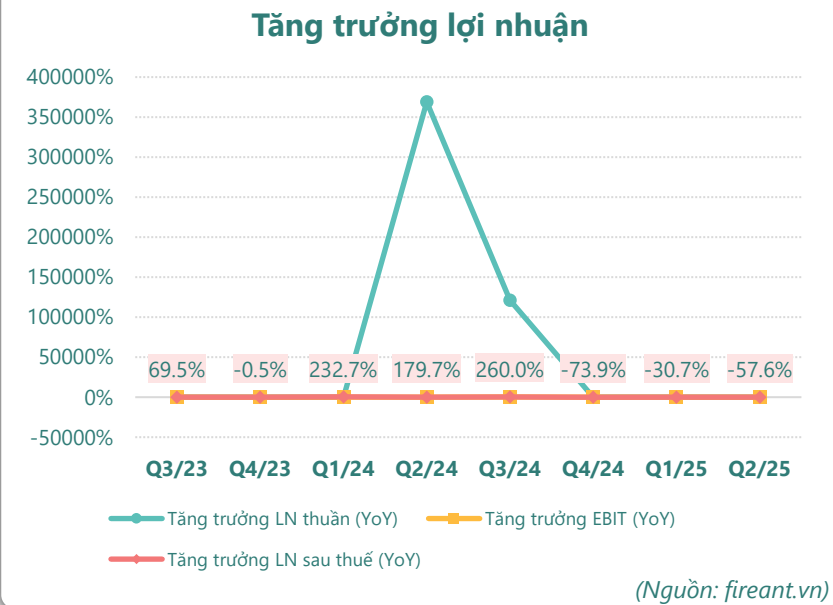
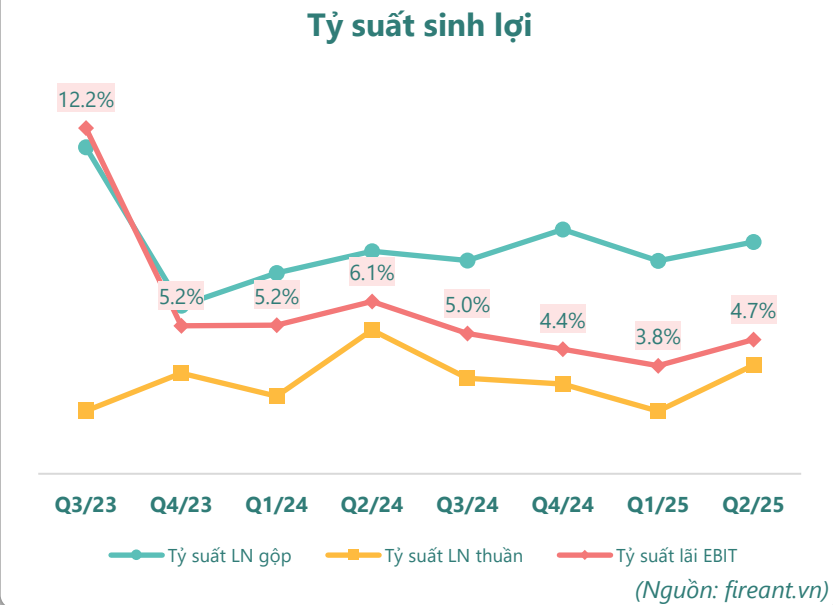
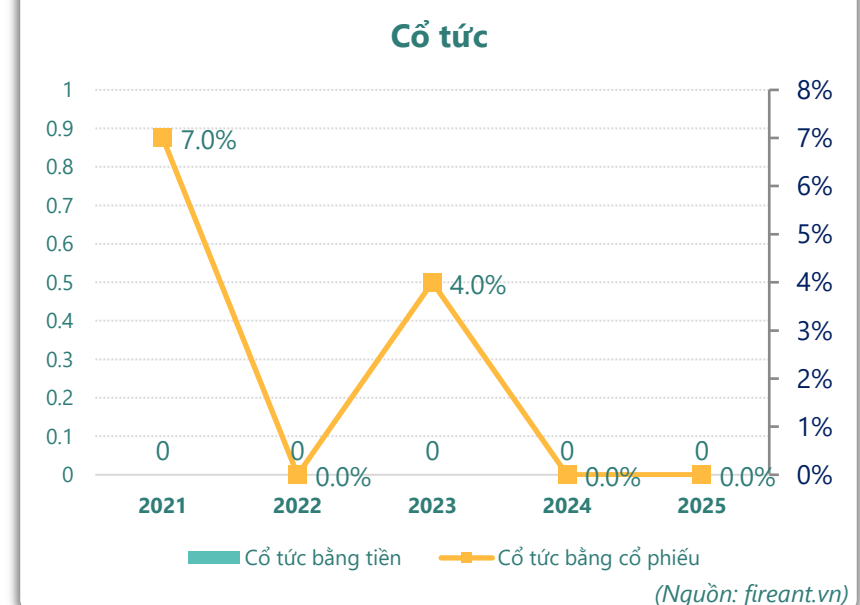
DT thuần 6T 2025
301
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0 8.1%

LN thuần 6T 2025
9.53
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.97 -17.4%

LN sau thuế 6T 2025
8.75
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.45 -13.9%



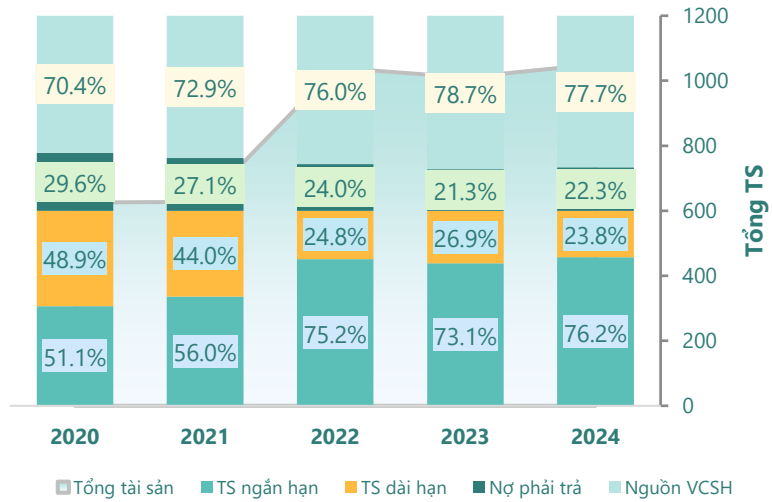
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

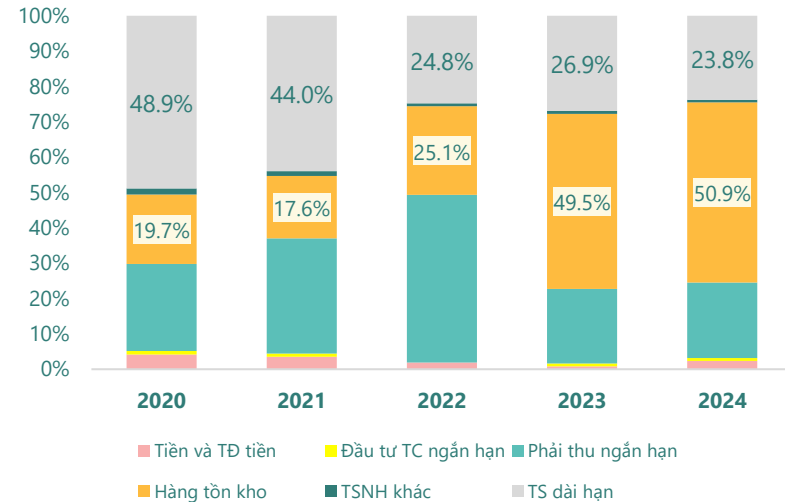
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

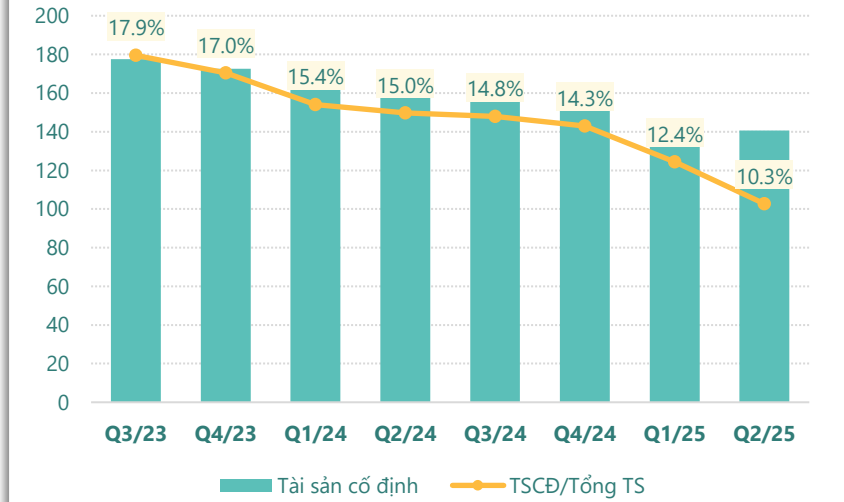
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

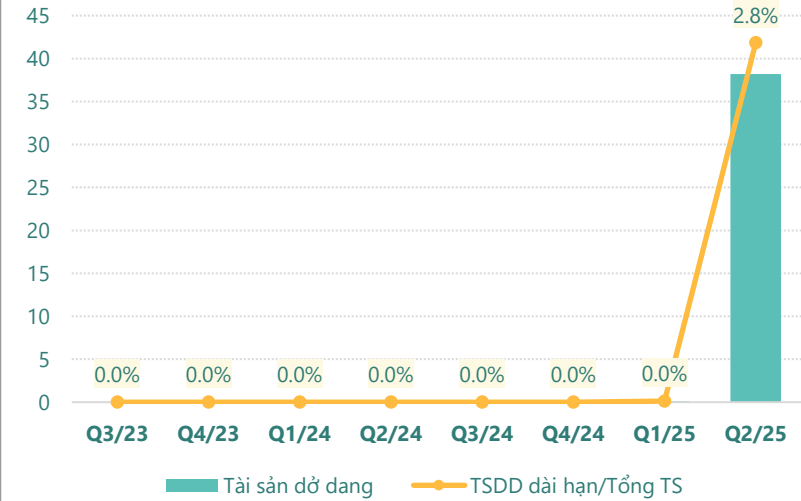
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

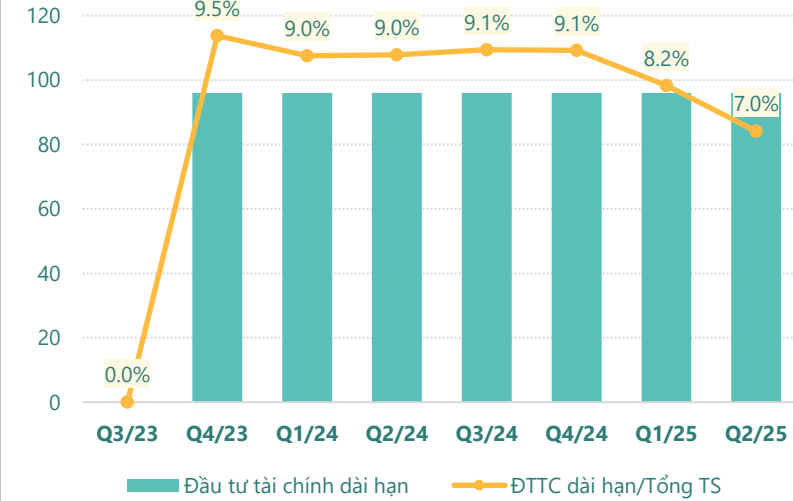
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

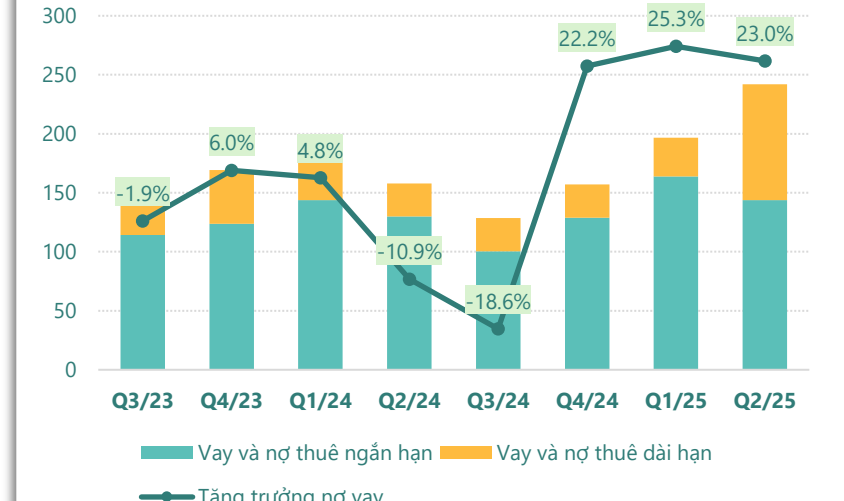
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

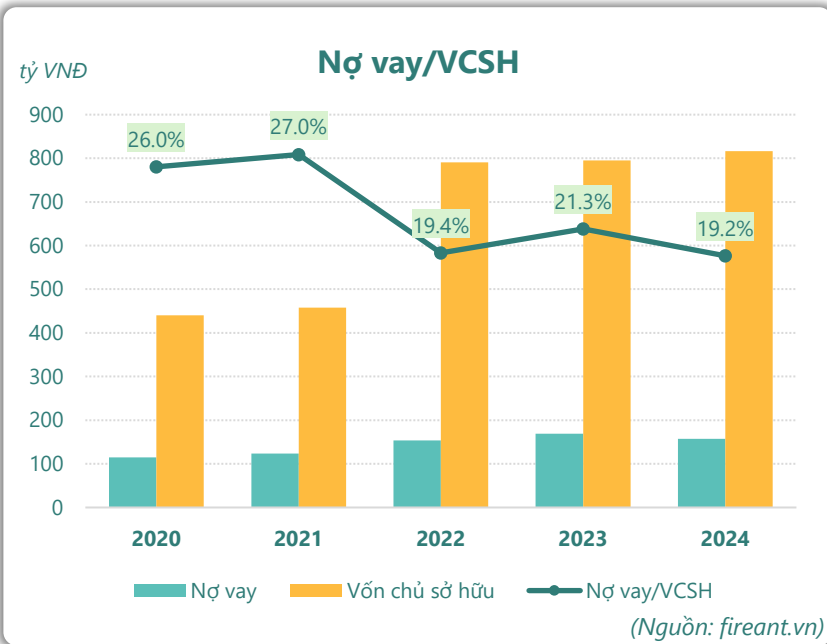
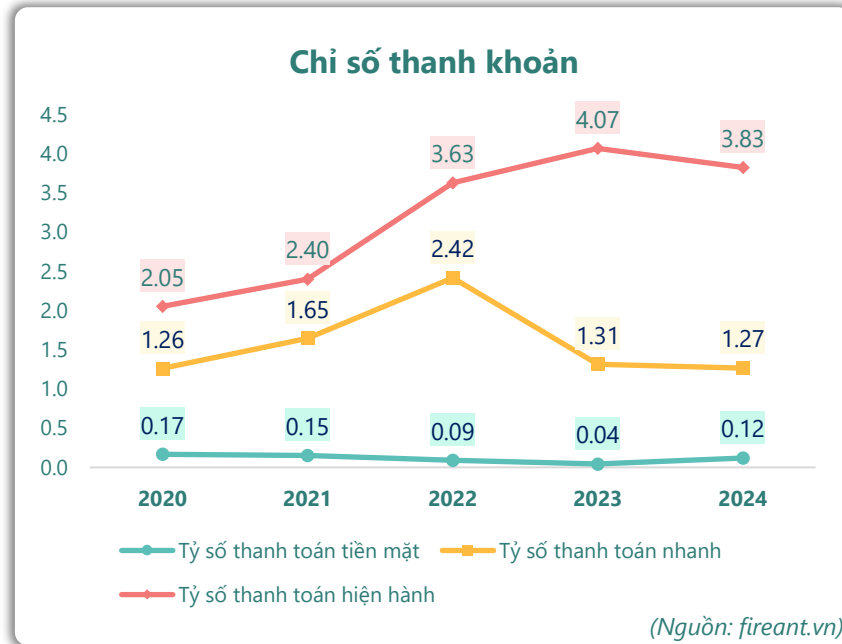
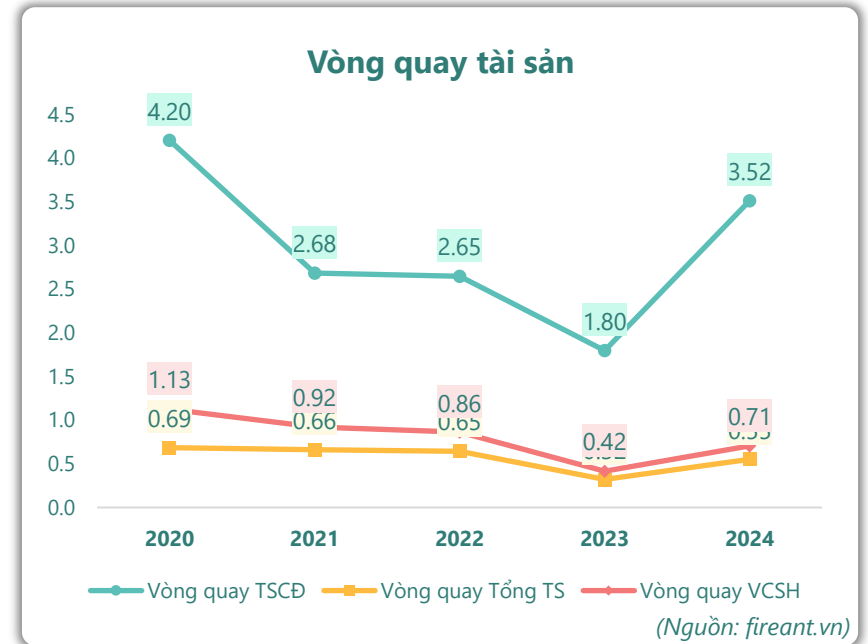
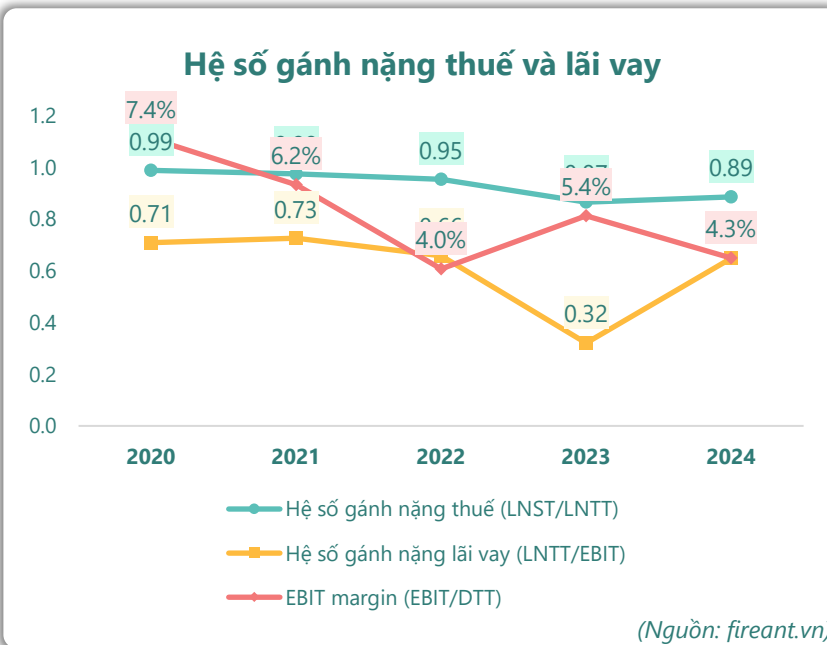
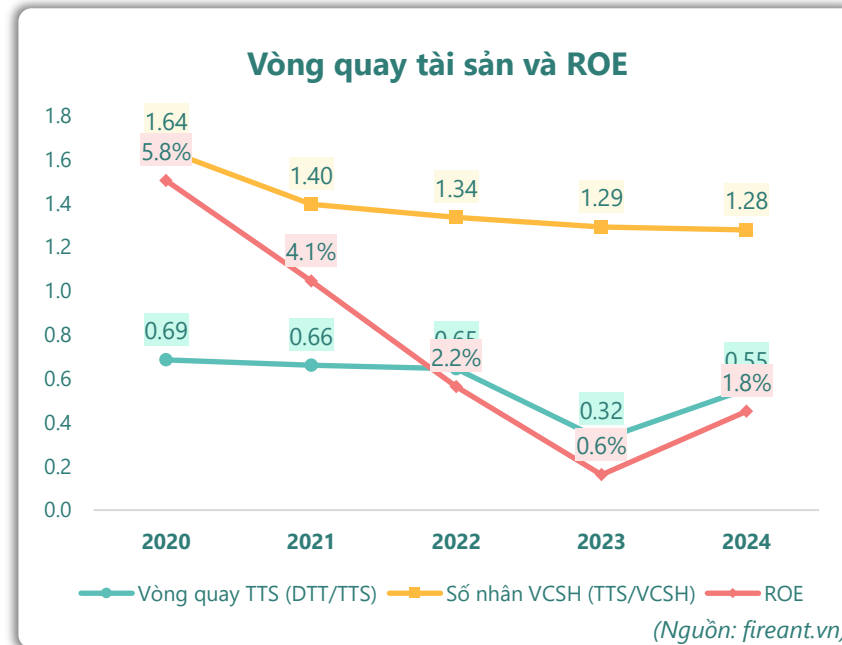
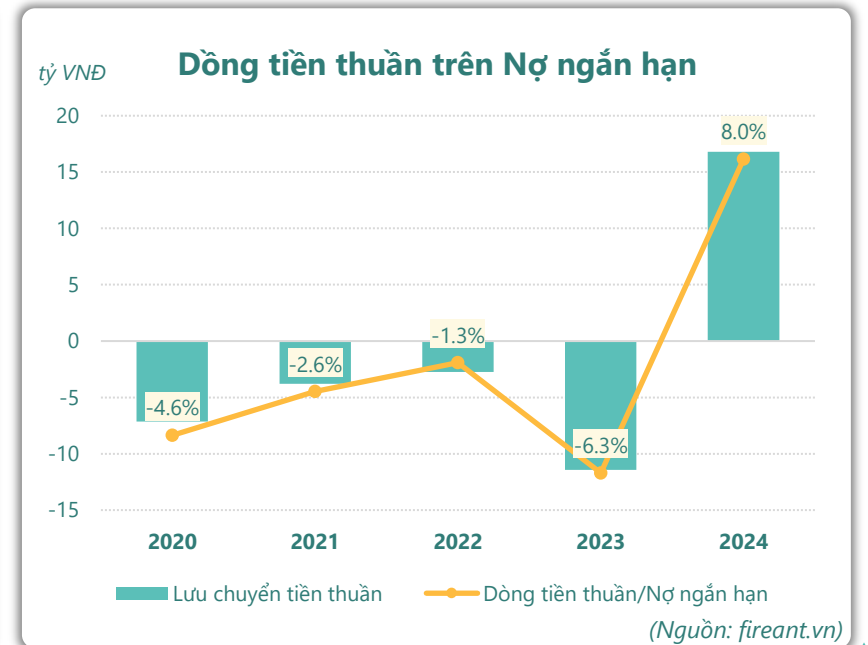
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	178	168	5.8%	301	279	8.1%
Giá vốn hàng bán	163	155	5.3%	277	258	7.7%
Lợi nhuận gộp	14.5	13.2	10.2%	23.8	21.0	13.3%
Doanh thu HĐTC	0.73	1.33	-45.3%	1.16	2.18	-46.5%
Chi phí TC	2.04	1.78	14.5%	4.03	4.65	-13.3%
Chi phí lãi vay	1.77	1.78	-0.5%	3.76	4.65	-19.1%
LN trong công ty LKLD	0.00	0.00		0.00	0	
Chi phí bán hàng	4.43	2.51	76.6%	7.89	4.11	91.9%
Chi phí QLDN	1.99	1.72	15.9%	3.54	2.90	21.9%
LN thuần từ HĐKD	6.80	8.51	-20.0%	9.53	11.5	-17.4%
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.09	-69.0%	-0.16	-0.19	13.3%
LN trước thuế	6.65	8.42	-21.0%	9.37	11.4	-17.5%
Lợi nhuận sau thuế	6.22	7.50	-17.0%	8.75	10.2	-13.9%
LNST của CĐ cty mẹ	6.37	7.49	-15.0%	8.88	10.1	-12.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.3	11.4	2.41	-31.9	83.3	-75.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.7	10.2	34.9	0.38	-0.12	-101
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.14	-19.4	-29.5	28.4	39.8	45.3
Tiền đầu kỳ	7.91	17.6	19.9	27.7	24.7	148
Lưu chuyển tiền thuần	9.73	2.29	7.81	-3.03	123	-131
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	17.6	19.9	27.7	24.7	148	16.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,369	1,051	30.3%
Tài sản ngắn hạn	1,091	800	36.3%
Tiền và tương đương tiền	16.7	24.7	-32.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.44	8.79	-60.9%
Phải thu ngắn hạn	523	225	133%
Hàng tồn kho	535	535	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	7.33	84.5%
Tài sản dài hạn	278	250	11.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	141	151	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.2	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.23	3.34	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	380	234	62.1%
Nợ ngắn hạn	281	209	34.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	132	8.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.8	67.2	24.7%
Nợ dài hạn	98.2	24.9	294%
Vay và nợ thuê dài hạn	98.2	24.9	294%
Nguồn vốn chủ sở hữu	989	816	21.2%
Vốn chủ sở hữu	989	816	21.2%
Vốn điều lệ	777	777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

